ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132 /BC-UBND	*Ba Tơ, ngày 27 tháng 3 năm 2025*

BÁO CÁO
TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 809 VÀ TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3, CHƯƠNG TRÌNH 1719; ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 15/SNNMT-KL ngày 03/3/2025 về việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, dự án giai đoạn 2021-2025; đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030; UBND huyện báo cáo kết quả, như sau:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, TRIỂN KHAI CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Chỉ đạo, triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng, cơ chế, chính sách

- Công tác bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, UBND huyện luôn tập trung tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành có liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng[1].

- Hàng năm, UBND huyện thường xuyên chỉ đạo tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời, ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương, chủ rừng, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện tổ chức triển khai thực hiện công quản lý,

[1] Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng cháy, chữa cháy; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị Quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2024 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Công văn số 1788-CV/TU ngày 25/9/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư; văn bản của các bộ, ngành, tỉnh có liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng.

bảo vệ và phát triển rừng; triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ trong hoạt động lâm nghiệp[2] theo quy định của pháp luật.

2. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững *(Quyết định số 809)*

- Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo chương trình phát triển lâm nghiệp để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương hàng năm và giai đoạn đảm bảo phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững cho cấp có thẩm quyền theo quy định; tham gia góp ý kiến vào dự thảo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai, thực hiện các nội dung liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.

- Chỉ đạo Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo chương trình thường xuyên tham mưu Trưởng Ban xây dựng Kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của Ban chỉ đạo các xã, thị trấn đảm bảo, hiệu quả theo kế hoạch đề ra.

3. Tiểu dự án 1, Dự án 3 *(Quyết định số 1719)*

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện và các địa phương (*thuộc phạm vi Tiểu dự án, Dự án 3*) triển khai, thực hiện các nội dung của Tiểu dự án 1, Dự án 3 theo quy định; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 và báo cáo kết quả triển khai thực hiện cho cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Tham gia góp ý kiến vào dự thảo các văn bản của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai, thực hiện các nội dung liên quan đến Tiểu dự án 1, Dự án 3, như: Hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án 1 - Dự án 3 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 3 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định của UBND tỉnh về Quy định trợ cấp gạo, ...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình 809 và Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình 1719 *(kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2024, ước thực hiện năm 2025)*.

1. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững *(Quyết định số 809)*

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch

a. Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

** Về bảo vệ rừng*

---

[2] Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, chủ rừng kiện toàn, duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 và các tổ đội bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại các thôn, tổ dân phố có rừng.

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Ba Tơ, giai đoạn 2021-2025 được thành lập tại Quyết định số 6267/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện; thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo huyện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 15/12/2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo huyện.

** Công tác phòng cháy và chữa cháy rừng*

- Xác định phòng cháy, chữa cháy rừng là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị tại địa phương. UBND huyện tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cấp trên liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; đồng thời, ban hành văn bản để chỉ đạo các địa phương, chủ rừng, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật; thực hiện tốt phương châm 04 tại chỗ trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Hàng năm, UBND huyện xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng; thành lập Tổ kiểm tra liên ngành về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng huyện, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng đối với UBND các xã, thị trấn nhằm phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; bố trí kinh phí hỗ trợ cho ngân sách xã và Hạt Kiểm lâm thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo sớm cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo của Cục Kiểm lâm để phát hiện, thông báo đến địa phương, chủ rừng kiểm tra, nhằm chủ động thực hiện các biện pháp ngăn ngừa hiệu quả ngay tại cơ sở; đồng thời chuẩn bị các phương tiện, thiết bị, dụng cụ chữa cháy rừng và bố trí lực lượng thường trực 24/24 giờ trong thời kỳ cao điểm nắng nóng, sẵn sàng chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các đơn vị chủ rừng xây dựng và triển khai thực hiện các Phương án, kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn, lâm phần quản lý; duy trì hoạt động của các Ban Chỉ đạo, Tổ phòng cháy, chữa cháy rừng tại cơ sở. Hàng năm, chỉ đạo chính quyền địa phương phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện tổ chức diễn tập Phương án chữa cháy rừng cấp xã theo quy định.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ nội dung Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng các cấp; phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời, ban hành Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 Phương án huy động lực lượng tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn huyện.

- Trong giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện xảy ra 10 vụ cháy rừng/101.211 m^2 rừng bị thiệt (*rừng tự nhiên 04 vụ/42.483 m^2, rừng trồng 06 vụ/58.728 m^2*), cụ thể:

+ Giai đoạn 2021 – 2024: 10 vụ cháy rừng/101.211 m^2 rừng bị thiệt (*rừng tự nhiên 04 vụ/42.483 m^2, rừng trồng 06 vụ/58.728 m^2*); nguyên nhân chủ yếu là do người dân đốt thực bì sau khai thác rừng trồng gây cháy lan và đốt ong lấy mật.

+ 03 tháng đầu năm 2025: không có xảy ra cháy rừng.

** Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học*

- Ban hành văn bản chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các ngành chức năng trên địa bàn huyện tổ chức triển khai công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật; quán triệt, tuyên truyền, vận động đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã, chim di cư; thường xuyên tổ chức lực lượng kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ các loài động vật, thực vật hoang dã, chim di cư theo quy định góp phần nâng cao giá trị bảo tồn đa dạng sinh học và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm xây dựng và triển khai thực hiện Phương án xử lý đối với 23 cá thể động vật rừng do người dân tự nguyện giao nộp Nhà nước, tang vật vi phạm hành chính (*sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt*) đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[(3)].

- Phối hợp, hỗ trợ Tổ chức FFI, Trung tâm Greenviet thực hiện các hoạt động của Dự án Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi và điều tra, khảo sát sự phân bố loài Chà vá chân xám trên địa bàn huyện, hướng đến thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ theo nội dung các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1352/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[(4)].

[(3)] * 01 vụ vi phạm hành chính về bảo vệ động vật rừng gồm: 06 cá thể Khỉ đuôi lợn - Macaca leonina *(đã chết)*; đều thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và Phụ lục Công ước CITES (*nhóm IIB*). Tang vật vi phạm hành chính (*động vật rừng*) sau tịch thu được chuyển giao 06 cá thể Khỉ đuôi lợn (*đã chết*) cho Bảo tàng thiên nhiên duyên hải miền Trung (*tỉnh Thừa Thiên Huế*) để tổ chức bảo tàng đa dạng sinh học, giáo dục thiên nhiên.

* 06 lần tiếp nhận động vật rừng do cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước với 05 cá thể động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và Phụ lục Công ước CITES, cụ thể: 02 cá thể Rùa núi viền - Manouria impressa (*nhóm IIB*), 01 cá thể Rùa Sa nhân - Cuora mouhotii (*nhóm IIB*), 01 cá thể Trăn đất - Python molurus *(nhóm IIB)*, 01 cá thể Khỉ đuôi lợn - Macaca leonina (*nhóm IIB*), 01 cá thể Chà vá chân xám - Pygathrix cinerea (*nhóm IB, đã chết*).

+ Thả 05 cá thể động vật rừng (*02 cá thể Rùa núi viền, 01 cá thể Rùa Sa nhân, 01 cá thể Trăn đất, 01 cá thể Khỉ đuôi lợn*) về môi trường sống tự nhiên trên diện tích rừng đã giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (*tại huyện Ba Tơ*).

+ Chuyển giao 01 cá thể Chà vá chân xám (*đã chết*) cho Bảo tàng thiên nhiên duyên hải miền Trung (*tỉnh Thừa Thiên Huế*) để tổ chức bảo tàng đa dạng sinh học, giáo dục thiên nhiên.

[(4)] Phối hợp, hỗ trợ Tổ chức FFI: thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát đa dạng sinh học thông qua phương pháp sử dụng thiết bị bẫy ảnh tại rừng, khu vực dự kiến thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ; Xây dựng và lắp đặt 03 bảng tuyên truyền trực quan bảo vệ động vật rừng tại các xã: Ba Lế, Ba Nam, Ba Xa để tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân đối với công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế cộng đồng; triển khai thí

b. Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- *Về giống cây trồng lâm nghiệp:* Trên địa bàn huyện có trên 101 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp. Hầu hết các cơ sở đều sản xuất, kinh doanh giống keo lai giâm hom có cây đầu dòng từ cây cấy mô mua từ các cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp tại tỉnh Bình Định, Đồng Nai; các chủ cơ sở đều quan tâm đến chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp; cơ sở vật chất và phương tiện để sản xuất giống tương đối đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên, việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp của các cơ sở trên địa bàn huyện chỉ mang tính tự phát chưa được công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (*trừ các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp là công ty, xí nghiệp*); tỷ lệ giống cây trồng lâm nghiệp được kiểm soát về chất lượng đạt khoảng trên 70% so với tổng số cây giống lâm nghiệp được các cơ sở sản xuất ra và đưa vào trồng rừng; công nghệ sản xuất chính chủ yếu sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp bằng phương pháp thủ công: ươm hạt và giâm hom; số lượng giống cây trồng lâm nghiệp do các cơ sở trên địa bàn huyện sản xuất:

+ Giai đoạn 2021 – 2024: 82,507 triệu cây.

+ 03 tháng đầu năm 2025: 0,262 triệu cây; ước thực hiện năm 2025: 23,5 triệu cây, đạt 111,9 % so với kế hoạch năm (*21 triệu cây*).

- *Về trồng rừng tập trung*

+ Giai đoạn 2021 – 2024: 35.113,17 ha (*phòng hộ: 105,48 ha, sản xuất: 34.953,52 ha*).

+ 03 tháng đầu năm 2025: 1.344,66 ha; ước thực hiện năm 2025: 7.987,89 ha (*phòng hộ: 37,89 ha, sản xuất: 7.950 ha*), đạt 106,5 % so với kế hoạch năm (*7.500 ha*).

- *Về trồng cây phân tán*

+ Giai đoạn 2021 – 2024: 2.411.000 cây.

+ 03 tháng đầu năm 2025: 74.000 cây; ước thực hiện năm 2025: 630.000 cây, đạt 105 % so với kế hoạch năm (*600.000 cây*).

- *Về chăm sóc rừng trồng*

+ Giai đoạn 2021 – 2024: 35.726,82 ha (*rừng trồng sản xuất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân*).

+ 03 tháng đầu năm 2025: 1.344,66 ha (*rừng trồng sản xuất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân*); ước thực hiện năm 2025: 7.950 ha, đạt 106 % so với kế hoạch năm (*7.500 ha*).

- *Năng suất, chất lượng rừng trồng*

Thường xuyên chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động người dân sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo

---

điểm mô hình tín dụng tiết kiệm không lãi xuất *(hỗ trợ hát triển sinh kế cho hộ dân không lãi xuất)* cho phụ nữ thôn Làng Vờ, xã Ba Nam; triển khai thực hiện hoạt động ứng dụng phần mềm SMART trong tuần tra rừng; rà soát ranh giới khu vực dự kiến thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ; tìm hiểu các hoạt động liên quan trực tiếp đến đời sống của các cộng đồng dân cư thôn: Làng Vờ – xã Ba Nam, thôn Làng Tốt – xã Ba Lế và tình hình phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn xã Ba Nam nhằm định hướng, hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân sinh sống xung quanh khu vực dự kiến thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ; phối hợp, hỗ trợ Trung tâm Greenviet thực hiện hoạt động điều tra phân bố loài Chà vá chân xám trên địa bàn các xã: Ba Xa, Ba Nam, Ba Trang, Ba Điền, Ba Giang; qua đó, ghi nhận bằng hình thức quan sát trực tiếp: 30 cá thể/05 đàn Chà vá chân xám; hoạt động tham vấn xây dựng Dự án bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn các xã: Ba Lế, Ba Nam, Ba Xa, Ba Trang.

chất lượng để trồng rừng, tham gia trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn, phải đảm bảo việc khai thác rừng trồng sản xuất đúng chu kỳ, hạn chế khai thác non nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng. Diện tích, sản lượng gỗ khai thác rừng trồng tập trung của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện:

+ Giai đoạn 2021 – 2024: diện tích 34.880,84 ha, sản lượng 4.158.220 m^3; năng suất bình quân đạt 120 m^3/ha/chu kỳ.

+ 03 tháng đầu năm 2025: diện tích 1.344,66 ha, sản lượng 77.104 m^3; năng suất bình quân đạt 120 m^3/ha/chu kỳ; ước thực hiện năm 2025: diện tích 7.950 ha, đạt 100,6% so với kế hoạch năm (*7.900 ha*), sản lượng 954.000 m^3, đạt 98% so với kế hoạch năm (*984.000 m^3*).

- *Phát triển lâm sản ngoài gỗ:* Chủ yếu quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý các loài lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên; sản lượng lâm sản ngoài gỗ khai thác trong giai đoạn 2021 – 2025 khoảng: 3.199 tấn Mây nước; sản phẩm lâm sản ngoài gỗ chủ yếu được người dân địa phương sử dụng tại chỗ, bán cho các cơ sở thu mua lâm sản trên địa bàn huyện để cung cấp cho thị trường tiêu dùng trong nước.

c. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ rừng, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân có rừng và đất lâm nghiệp liên kết hình thành nhóm hộ để xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- *Về xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững:* Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn huyện có 03 chủ rừng là tổ chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững, cụ thể:

+ Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2011 – 2026 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ đã được Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam phê duyệt.

+ Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024.

+ Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 14/01/2025.

- *Thực hiện việc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững:* Hiện nay, trên địa bàn huyện chỉ có Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) với tổng diện tích 2.985,41 ha, trong đó: rừng tự nhiên 278,64 ha, rừng trồng 2.706,77 ha.

d. Nhiệm vụ khác

- Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ theo nội dung Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện theo đúng quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại: Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023, Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024.

- Tham gia phối hợp triển khai thực hiện các Chương trình, Dự án có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

1.2. Tình hình huy động, phân bổ kinh phí

a. Giai đoạn 2021 – 2024: 91.194,03 triệu đồng, trong đó:

- NSTW hỗ trợ (*đầu tư, sự nghiệp*): 82.547,03 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 9.647 triệu đồng.

b. Kết quả năm 2025: Chưa phân bổ kinh phí.

2. Tiểu dự án 1, Dự án 3

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ

a) Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng: Không.

b) Hỗ trợ bảo vệ rừng: 8.728,74 ha.

c) Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung: không.

d) Hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: không.

đ) Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ: không.

e) Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng: không.

2.2. Kết quả thực hiện phân bổ kinh phí, kết quả thực hiện giải ngân kinh phí giai đoạn 2021-2025 thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 (nguồn vốn sự nghiệp NSTW cấp cho thực hiện Tiểu dự án)

a. Giai đoạn 2021 – 2025: kinh phí phân bổ 92.194,03 triệu đồng; kinh phí đã giải ngân 14.011,41 triệu đồng, kinh phí chưa giải ngân 78.182,62 triệu đồng không giải ngân được nộp trả ngân sách nhà nước theo quy định.

- Nguyên nhân chưa giải ngân: Các nội dung hỗ trợ về trồng rừng sản xuất (nội dung hỗ trợ không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định: "3. Hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình" và nội dung khoán bảo vệ rừng không thực hiện được, do chưa có hướng dẫn cụ thể để lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng); hỗ trợ gạo bảo vệ và phát triển rừng *(chưa có hướng dẫn về đối tượng chưa tự túc được lương thực nên không xác định được đối tượng hỗ trợ).*

b. Năm 2025: Chưa được cấp trên phân bổ kinh phí.

III. Đánh giá

1. Kết quả đạt được

- Với sự triển khai thực hiện đồng bộ của hệ thống chính trị và nhân dân trên địa bàn huyện, ngành Lâm nghiệp huyện đã đạt được nhiều kết quả tích cực; đóng góp vào tăng trưởng của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội huyện; tạo sự thay đổi tích cực về nhận thức của các ngành, các cấp và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của tài nguyên rừng và ngành lâm nghiệp đối với sự phát triển bền vững của huyện. Các chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng được Nhà nước ban hành có hiệu quả thiết thực, tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Về kinh tế, giá trị sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn huyện tăng trưởng ổn định; trồng rừng sản xuất phát triển cả về diện tích và chất lượng, cung cấp nguyên liệu gỗ cho ngành chế biến lâm sản phục vụ trong nước và xuất khẩu; góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ và phát triển rừng, tăng thu nhập người làm nghề rừng.

- Về môi trường, tình trạng vi phạm pháp luật về lâm nghiệp giảm đáng kể cả số vụ và mức độ thiệt hại qua các năm; diện tích, cơ cấu và chất lượng rừng đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển ngành lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ đầu nguồn chống xói mòn đất đai và giảm nhẹ thiên tai; đóng góp tích cực vào bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh môi trường; góp phần quan trọng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, tăng trưởng xanh và các mục tiêu phát triển bền vững.

- Về an sinh xã hội, các hoạt động lâm nghiệp đã tạo việc làm cho đa số người dân địa phương; trong đó, chủ yếu là hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Tồn tại, hạn chế

- Các hành vi vi phạm phá rừng, khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng trái pháp luật, cháy rừng và lấn, chiếm, tranh chấp đất lâm nghiệp còn xảy ra tại một số địa phương trên địa bàn huyện.

- Chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp đưa vào trồng rừng chưa được kiểm soát chặt chẽ, nhất là các cơ sở sản xuất giống tự phát với quy mô nhỏ, hộ gia đình làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng rừng trồng; việc trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn để nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng chưa được người dân thật sự quan tâm.

- Cán bộ, công chức, viên chức được các cơ quan, đơn vị giao theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển rừng của các cơ quan, đơn vị chưa được tập huấn chuyên sâu nên quá trình triển khai thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển rừng còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

3. Nguyên nhân

- Diện tích rừng tự nhiên lớn, giáp ranh với nhiều huyện trong và ngoài tỉnh, địa hình phức tạp, hiểm trở, giao thông đi lại, thông tin liên lạc trong khu vực khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý bảo vệ rừng. Lực lượng Kiểm lâm và

chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng còn mỏng, chưa đáp ứng với diện tích rừng được giao quản lý, bảo vệ.

- Cuộc sống của đa số nhân dân còn gặp nhiều khó khăn và nguồn thu nhập về kinh tế còn thấp, sản phẩm của rừng sẵn có, nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp, gỗ trong xã hội ngày càng tăng; do đó, một bộ phận người dân đã lén lút xâm hại đến tài nguyên rừng.

- Tình trạng biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng khô hanh kéo dài, diện tích rừng trồng tập trung lớn, vật liệu cháy nhiều, ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế trong việc sử dụng lửa trong rừng, ven rừng, đốt ong, đốt dọn thực bì sau khai thác rừng trồng không đúng quy trình, quy định nên tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy rừng. Khi có cháy rừng xảy ra việc huy động lực lượng tại chỗ gặp nhiều khó khăn, chỉ có những hộ dân có diện tích rừng lân cận và lực lượng chức năng mới tham gia chữa cháy rừng.

- Chính quyền địa phương một số xã chưa thực hiện tốt trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp; có lúc chưa kịp thời chỉ đạo, huy động nguồn lực cần thiết trên địa bàn để ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng.

- Một số đơn vị chủ rừng chưa quan tâm đúng mức đến công tác quản lý bảo vệ rừng trên lâm phần được Nhà nước giao; chưa chủ động tổ chức lực lượng phối hợp các ngành chức năng, địa phương kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định pháp luật.

- Phần lớn diện tích rừng tự nhiên giao cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư bảo vệ có hiện trạng nghèo kiệt, trữ lượng và chất lượng rừng thấp, các đối tượng giao rừng không hưởng lợi được sản phẩm từ diện tích rừng đã được Nhà nước giao; bên cạnh đó, việc phân bổ kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng cho các đối tượng được Nhà nước giao rừng không ổn định và kịp thời, có đối tượng chưa được hưởng chính sách bảo vệ rừng theo quy định; do đó, không khuyến khích được các hộ gia đình, cộng đồng dân cư tích cực tham gia bảo vệ rừng.

- Một số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp không bắt quả tang được đối tượng vi phạm, người dân ngại va chạm không tố giác đối tượng vi phạm nên việc xác minh đối tượng vi phạm để xử lý theo quy định pháp luật còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp còn hạn chế, phần lớn các cơ sở chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp. Việc quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp đem vào trồng rừng chưa được chặt chẽ. Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro lớn.

4. Bài học kinh nghiệm

- Nơi nào, ở đâu mà cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo thường xuyên đến công tác quản lý, bảo vệ rừng thì nơi đó tình hình quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản ngày càng tốt hơn, hạn chế đến mức thấp nhất những hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng. Ngược lại, nơi nào cấp ủy, chính quyền địa phương buông lỏng trách nhiệm bảo vệ rừng, thì nơi đó tình trạng xâm hại đến tài nguyên rừng ngày càng diễn biến phức tạp.

- Phải tạo được sự đồng thuận và nhất trí cao của cả hệ thống chính trị; tổ chức phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng: Kiểm lâm, Dân quân tự vệ, Công an, chính quyền địa phương và chủ rừng trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Công tác xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp phải kịp thời, đúng quy định của pháp luật nhằm nâng cao tính răn đe, giáo dục trong nhân dân, góp phần hạn chế các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Lâm nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và các văn bản của các bộ ngành, tỉnh liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp; thể chế hóa các văn bản chỉ đạo triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương để phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật phải được tổ chức thường xuyên và liên tục, đa dạng, phong phú về hình thức; nội dung tuyên truyền cần phải chọn lọc, dễ gần, dễ hiểu và phù hợp với từng nhóm đối tượng; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đã được bố trí từ để thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Tiểu dự án 1, Dự án 3.

5. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết

- Nâng cao nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; phải phát huy vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền cơ sở đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Quản lý, bảo vệ bền vững diện tích rừng hiện có trên địa bàn huyện, nhất là rừng tự nhiên; hạn chế đến mức thấp nhất các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp kể cả số vụ vi phạm và mức độ thiệt hại

- Phải đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động lâm nghiệp, nhất là chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; các chính sách đầu tư trong hoạt động lâm nghiệp phải được triển khai kịp thời đến người dân.

- Nâng cao tỷ lệ kiểm soát nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, vận đồng nhân dân sử dụng các nguồn giống có nguồn gốc, xuất sứ rõ ràng để đem vào trồng rừng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, hạn chế phát sinh tình trạng sâu bệnh đối với cây trồng.

B. RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững đất, rừng được quy hoạch cho lâm nghiệp; đảm bảo sự tham gia rộng rãi của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư vào các hoạt động lâm nghiệp, huy động tối đa các nguồn lực xã hội; phát huy tối đa các tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng, phát triển nhanh và bền vững ngành lâm nghiệp; đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa

dạng sinh học, cung cấp đa dạng các dịch vụ hệ sinh thái rừng, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân, nhất là người dân tộc thiểu số và giữ vững quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kinh tế - xã hội: Tăng trưởng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp trên địa bàn gắn với phát triển lâm nghiệp bền vững; nâng cao nhận thức, hành động của người dân trong công tác bảo vệ, phát triển rừng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân, nhất là người dân tộc thiểu số.

b. Về môi trường: Duy trì ổn định độ che phủ rừng, nâng cao năng suất và chất lượng rừng; bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có *(bao gồm cả diện tích rừng trồng chưa thành rừng)*, nhất là rừng tự nhiên. Quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, chống suy thoái đất, giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

c. Về an ninh, quốc phòng: Xử lý dứt điểm các hành vi phá rừng, gây cháy rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật và các hành vi lấn, chiếm, tranh chấp đất lâm nghiệp, không để xảy ra điểm nóng, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

II. Nhiệm vụ

1. Quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có, nhất là rừng tự nhiên; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; chú trọng công tác bảo vệ rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp.

- Hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp; bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ rừng và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm thiểu tối đa tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp về diện tích rừng bị thiệt hại và số vụ vi phạm.

2. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng

Tăng cường công tác quản lý các loài động, thực vật hoang dã, nhất là các loài nguy cấp, quý, hiếm thuộc phụ lục CITES; phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và các tổ chức phi chính phủ triển khai thực hiện Dự án bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, thúc đẩy thành lập khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ.

3. Phát triển rừng và quản lý rừng bền vững

Tổ chức, quản lý, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo các định hướng, quy hoạch được các cấp, ngành phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ rừng, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy

định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân có rừng và đất lâm nghiệp liên kết hình thành nhóm hộ để xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

4. Phát triển, khai thác giá trị đa dạng hệ sinh thái rừng

- Tăng cường công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, nâng cao tỷ lệ kiểm soát nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, vận đồng nhân dân sử dụng các nguồn giống có nguồn gốc, xuất sứ rõ ràng để đem vào trồng rừng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, hạn chế phát sinh tình trạng sâu bệnh đối với cây trồng.

- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất, chú trọng đến các nội dung: cơ cấu cây trồng, loài cây trồng phù hợp điều kiện đất đai, khí hậu, có giá trị kinh tế cao và phù hợp mục đích kinh doanh; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống chất lượng cao, trồng rừng thâm canh gỗ lớn, cơ giới hóa và công nghệ cao trong các khâu sản xuất *(xử lý thực bì, làm đất, chăm sóc, phòng chống sâu bệnh, lửa rừng, khai thác, vận chuyển, chế biến lâm sản...).*

- Duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ để giảm thiểu tác hại do thiên tai, cải thiện môi trường, giảm phát thải; tăng hấp thụ các-bon, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án trồng một tỷ cây xanh nhằm mục đích vừa cung cấp gỗ và nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, vừa phòng hộ, bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030 trên địa bàn huyện; phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.

- Phát triển các mô hình trồng lâm sản ngoài gỗ và dược liệu dưới tán rừng, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người trực tiếp tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng lâm nghiệp

Đầu tư xây dựng, tu sửa các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, các bảng trực quan tuyên truyền bảo vệ rừng, biển báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, …

6. Tăng cường năng lực và ứng dụng chuyển đổi số ngành lâm nghiệp

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống đảm bảo chất lượng, ổn định. Lựa chọn cây trồng sản xuất gỗ lớn, cây đặc sản, cây đa mục đích có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa nghề rừng, khuyến khích, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội và sự tham gia của các thành phần kinh tế trong phát triển ngành lâm nghiệp, đảm bảo đóng góp của ngành lâm nghiệp ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất lâm nghiệp theo hướng liên kết chặt chẽ giữa hộ gia đình, doanh nghiệp với thị trường để nâng cao giá trị trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp.

- Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Lâm nghiệp; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, tham quan, học hỏi các mô hình phát triển Lâm nghiệp bền vững nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp.

- Phối hợp thực hiện các chương trình đào tạo lao động tại chỗ, ngắn hạn và khuyến lâm để đáp ứng công tác bảo vệ và phát triển rừng, khai thác, chế biến, gắn việc đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

7. Quản lý, theo dõi, giám sát ngành lâm nghiệp

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng; nâng cao năng lực vận hành và sử dụng các phần mềm, trang thiết bị chuyên dụng, hệ thống thông tin chuyên ngành trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

III. Nhu cầu vốn

1. Tổng dự toán cầu vốn thực hiện Chương trình: 1.213.728,22 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 40.728,22 triệu đồng.

- Vốn hợp pháp khác *(Tổ chức, cá nhân tự đầu tư)*: 1.173.000 triệu đồng.

2. Cơ chế huy động vốn

- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp để hoạt động mang tính chất chuyên ngành khác thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững theo nội dung Điều 17, Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024.

- Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các kế hoạch, chương trình, dự án; lồng ghép phát triển lâm nghiệp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, dự án khác trên địa bàn huyện để nâng cao hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng và vốn doanh nghiệp, vốn tín dụng, từ các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển sản xuất.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành tại Luật Lâm nghiệp 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản có liên quan.

- Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách trong lâm nghiệp bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả như: cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư bảo vệ và phát triển rừng; chính sách khoán bảo vệ rừng; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động, phát triển thị trường gỗ và lâm sản…Gắn mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng với hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống, việc làm, an sinh xã hội cho người dân địa phương, đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là cho người dân làm nghề rừng. Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích, tạo thuận lợi cho người dân và các thành phần kinh tế cùng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ, trách nhiệm trong nội bộ cán bộ, đảng viên cũng như cộng đồng dân cư, chủ rừng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền trực tiếp tại các hội nghị họp thôn, tổ dân phố, khu dân cư; tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh xã, thị trấn; tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa và vẽ tranh trong học đường; cấp phát tờ rơi và ký cam kết bảo vệ rừng; tuyên truyền lưu động, tuyên truyền qua hệ thống bảng trực quan bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng… Nội dung tuyên truyền luôn đổi mới, dễ hiểu phù hợp với mọi đối tượng; vận động người dân tham gia tố giác tội phạm, đấu tranh phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

- Chỉ đạo Đài Phát thanh địa phương tăng thời lượng đưa tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về lâm nghiệp đến rộng rãi người dân, đặc biệt là cộng đồng dân cư sống gần rừng, ven rừng.

3. Quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tập trung quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, nhất là rừng tự nhiên.

- Quản lý chặt chẽ diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp theo quy định; quản lý rừng bền vững, khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế của rừng; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế của người dân.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dự báo, cảnh báo cháy rừng, theo dõi, giám sát tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp nhằm kịp thời phát hiện phá rừng, cháy rừng để xử lý, hạn chế thấp nhất các thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến lâm sản và phát triển hệ thống rừng trồng gỗ lớn có năng suất và chất lượng cao với sự

tham gia của các thành phần kinh tế; nâng cao hiệu quả kinh tế, chú trọng phát triển lâm nghiệp đa mục đích *(gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ)*, nông lâm kết hợp.

4. Kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất

Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế chia sẻ trong lâm nghiệp.

- Phát triển sản xuất kinh doanh đa dạng, gắn trồng rừng với công nghiệp chế biến và thương mại lâm sản theo chuỗi giá trị.

- Phát triển các doanh nghiệp lớn đủ khả năng đầu tư theo chuỗi khép kín vào ngành lâm nghiệp và hỗ trợ, dẫn dắt người dân sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn bản và hợp tác xã; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; phát triển nông lâm kết hợp; ưu tiên hộ nghèo, dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động lâm nghiệp để tăng thu nhập.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các hợp tác xã phù hợp với nền kinh tế thị trường, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên hợp tác xã, là đầu mối tạo diễn đàn kết nối các nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và người làm nghề rừng.

5. Khoa học, công nghệ và khuyến lâm

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, theo dõi tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp, nâng cao năng lực vận hành và sử dụng các phần mềm, trang thiết bị chuyên dụng, hệ thống thông tin chuyên ngành trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống đảm bảo chất lượng, ổn định. Lựa chọn cây trồng sản xuất gỗ lớn, cây đặc sản, cây đa mục đích có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa nghề rừng, khuyến khích, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội và sự tham gia của các thành phần kinh tế trong phát triển ngành lâm nghiệp, đảm bảo đóng góp của ngành lâm nghiệp ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất lâm nghiệp theo hướng liên kết chặt chẽ giữa hộ gia đình, doanh nghiệp với thị trường để nâng cao giá trị trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp.

6. Phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Lâm nghiệp; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, tham quan, học hỏi các mô hình phát triển Lâm nghiệp bền vững nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp.

- Phối hợp thực hiện các chương trình đào tạo lao động tại chỗ, ngắn hạn và khuyến lâm để đáp ứng công tác bảo vệ và phát triển rừng, khai thác, chế biến, gắn việc đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

7. Hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại

- Xác định và lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, thế mạnh của địa phương để tập trung thực hiện có hiệu quả; đồng thời, tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ của các tổ chức quốc tế cũng như các cơ quan trung ương đầu tư về vốn, khoa học kỹ thuật, thông tin kinh tế, tiếp cận thị trường, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.

- Xây dựng công nghiệp chế biến gỗ có khả năng cạnh tranh cao, đa dạng hóa sản phẩm theo hướng phát triển chế biến sâu nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và có sản phẩm xuất khẩu.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật quy định về kinh doanh, chế biến gỗ đồng thời thực thi các hiệp định quốc tế song phương và đa phương như: Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT); Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA). Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ phục vụ nhu cầu người dân và phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Đẩy mạnh sản xuất, duy trì các đơn hàng sản phẩm gỗ, tập trung đầu tư vào những mặt hàng có lợi thế cạnh tranh cao, đẩy mạnh chuyển đổi phương thức kinh doanh, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành chế biến gỗ theo hướng sử dụng tổng hợp gỗ, đa dạng hóa sản phẩm, bao gồm đồ gỗ nội, ngoại thất, các loại ván gỗ, dăm gỗ và viên nén gỗ, trong đó nhóm sản phẩm đồ gỗ nội, ngoại thất có giá trị là chủ đạo.

8. Huy động các nguồn vốn

- Tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước (*Trung ương, tỉnh*) cấp thông qua các dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn huyện; các dự án đầu tư trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và bảo vệ rừng; huy động tối đa nguồn vốn tín dụng thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững thông qua các chính sách tín dụng và thu hút nguồn vốn từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn được phân bổ theo các Chương trình, Dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

9. Lồng ghép, phối hợp với các Chương trình khác

Lồng ghép các nhiệm vụ Chương trình phát triển Lâm nghiệp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, dự án khác trên địa bàn huyện để nâng cao hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

10. Quản lý, điều hành thực hiện Chương trình, Tiểu dự án 1 – Dự án 3

- Phân công rõ ràng nhiệm vụ thực hiện các nội dung, hoạt động của Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Tiểu Dự án 1, Dự án 3 để nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện cho cán bộ, công chức, viên chức được các cơ quan, đơn vị giao theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện chính sách về lâm nghiệp.

- Lồng ghép trong tổ chức thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng dân cư tại cơ sở.

- Xây dựng nội dung nâng cao năng lực quản lý và thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán tại địa phương và gắn với nâng cao kỹ năng tổ chức thực hiện, đánh giá theo kết quả đầu ra.

V. HỆ THỐNG BIỂU KÈM THEO

1. Biểu số 01. Hiện trạng rừng năm 2024 theo khu vực quản lý.

2. Biểu số 02. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính ngành lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025.

3. Biểu số 03. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình 809 và tiểu Dự án 1, Dự án 3.

4. Biểu số 04. Tổng hợp kết quả huy động, sử dụng các nguồn vốn thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

5. Biểu số 06. Chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030.

UBND huyện kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng NN&MT huyện;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ T. QUẢNG NGÃI

Thành Minh Thuận